

Số: /2026/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết 120/2026/UBTVQH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân

tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày / /2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây gọi tắt là Chương trình); áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026 - 2030 theo điểm a khoản 5 Điều 9 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương ở mức cao nhất cho các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, an toàn khu, hải đảo nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.
2. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ.
3. Cân đối, bố trí vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 bảo đảm mức quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15 và quy định tại Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg.
4. Bố trí một phần từ vốn đối ứng của ngân sách tỉnh để thực hiện một số nội dung của Chương trình không sử dụng vốn ngân sách trung ương, bao gồm:
 - a) Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số (sau đây viết tắt là DTTS); ưu tiên hỗ trợ phường khu vực III, ấp đặc biệt khó khăn thuộc phường vùng đồng bào DTTS thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn; thực hiện xây dựng nông thôn mới ở phường theo quy

định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

b) Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới, phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

c) Thực hiện xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

d) Hỗ trợ cho các sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh phụ trách các chỉ tiêu, tiêu chí, nội dung thành phần và được giao nhiệm vụ liên quan đến Chương trình.

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương

1. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương

Việc phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được xác định căn cứ số áp đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS và số xã (bao gồm: xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS, xã An toàn khu (sau đây viết tắt là xã ATK), xã đảo và các xã còn lại) của tỉnh theo các quy định, quyết định công nhận áp, xã của cấp thẩm quyền. Cụ thể như sau:

- a) Áp đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS: Hệ số 1;
- b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS, xã ATK, xã đảo: Hệ số 50;
- c) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS: Hệ số 40;
- d) Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS: Hệ số 30;
- đ) Xã còn lại: Hệ số 25;

Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản này thì chỉ áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong các đối tượng đó; không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

2. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương

Căn cứ tổng dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được Thủ tướng Chính phủ giao, quy định tại Nghị quyết này và điều kiện thực tế của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương và các nguồn lực lồng ghép khác (nếu có) để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ cho các địa phương. Căn cứ tổng mức vốn được giao, Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm vốn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn giai đoạn 2026 - 2030 theo phân cấp; bảo đảm tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương cho các xã, áp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS, ATK và hải đảo; không trùng lặp nội dung, đối tượng với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác thực hiện trên cùng địa bàn.

Điều 5. Tiêu chí phân bổ vốn đối ứng ngân sách tỉnh

1. Theo đối tượng các áp, xã

Việc phân bổ vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình được xác định căn cứ số áp đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS và số xã (bao gồm: xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS, xã ATK, xã đảo và các xã còn lại) của tỉnh theo các quy định, quyết định công nhận áp, xã của cấp thẩm quyền. Cụ thể như sau:

- a) Áp đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS: Hệ số 1;
- b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS, xã ATK, xã đảo, xã phân đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại: Hệ số 50;
- c) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS: Hệ số 40;
- d) Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS: Hệ số 30;
- đ) Xã còn lại: Hệ số 25;

Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản này thì chỉ áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong các đối tượng đó; không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

2. Theo đối tượng các sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh và phường

Căn cứ đề xuất của các sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh (được giao chủ trì các nhiệm vụ, nội dung thành phần và các nội dung liên quan của Chương trình), các phường và các quy định, nguyên tắc phân bổ tại Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ quan chuyên môn chủ trì tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ kế hoạch, dự toán vốn ngân sách tỉnh đối ứng (chi đầu tư, chi thường xuyên) giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ cho các đơn vị, địa phương.

Điều 6. Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách tỉnh

Hàng năm, ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng tối thiểu **0,88 lần** tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho tỉnh thực hiện Chương trình.

Điều 7. Nguồn vốn thực hiện

Từ nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

- 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm....
- 2. Các văn bản sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành

a) Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

b) Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

c) Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

d) Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

đ) Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (giai đoạn I đến năm 2025) trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

e) Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

g) Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

h) Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành “Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

i) Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu sửa đổi, bổ sung một số điều các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng ... năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- Ủy ban công tác đại biểu của Quốc hội (b/c);
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Tư pháp;
- Cục KTVB&TCTHPL – Bộ Tư pháp;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Cà Mau;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
-;
- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thiều